

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp công cụ dụng cụ năm 2025 (Bộ dụng cụ phẫu thuật ghép gan) (gồm 04 phần)
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 6 tháng
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 09 giờ, ngày 16/6/2025
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
 - Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;
 - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị, Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP HCM

Người liên hệ: Nguyễn Thị Thảo Nhân Số điện thoại: 028.3952.5239

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có)

Trân trọng./ Trần trọng

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (J19-035-nttnhan) (2)

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ



Nguyễn Hữu Thịnh



DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
Phần 1: Bộ banh vén tạng				
1	Banh vén dạng ngón tay, dài 430-435mm	Banh vén dạng ngón tay - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: chiều dài làm việc 430-435mm, đường kính 5mm - Loại: có kênh tưới rửa, gập 90 độ - Tiêu chuẩn chất lượng FDA, mã UDI	Cái	2
2	Banh vén dạng hình tam giác, dài 480-485mm	Banh vén dạng hình tam giác - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: chiều dài làm việc 480-485mm, đường kính 5mm - Loại: có kênh tưới rửa, cong xuống 30 độ - Tiêu chuẩn chất lượng FDA, mã UDI	Cái	2
Phần 2: Kẹp clip khí nén				
1	Kẹp clip khí nén, chiều dài làm việc 370-375mm	Kẹp clip khí nén - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: chiều dài làm việc 370-375mm - Loại: cỡ ML, đường kính 10mm, bắn clip liên tục, khí nén - Bao gồm: trục khí nén, tay cầm kẹp khí nén - Tiêu chuẩn chất lượng MDR, mã UDI	Cái	2
2	Kẹp clip khí nén, chiều dài làm việc 310-315mm	Kẹp clip khí nén - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: chiều dài làm việc 310-315mm - Loại: cỡ SM, đường kính 5mm, bắn clip liên tục, khí nén - Bao gồm: trục khí nén, tay cầm kẹp khí nén - Tiêu chuẩn chất lượng MDR, mã UDI	Cái	2
3	Kẹp mang kim, chiều dài làm việc 310-315mm	Kẹp mang kim - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: chiều dài làm việc 310-315mm - Loại: cong sang phải, đường kính 5mm, trục hình ống, tay cầm trục có khóa, tác động đơn - Ngâm: chất liệu Tungsten Carbide - Tiêu chuẩn chất lượng MDR, mã UDI	Cái	2
Phần 3: Dụng cụ thay thế cho bộ ghép gan hiện có				
1	Kẹp cầm máu Halstead Mosquito, thẳng, dài 120-125mm	Kẹp cầm máu - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 120-125mm - Loại: Halstead Mosquito, thẳng, mảnh, ngâm có răng ngang - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	20
2	Kẹp cầm máu Halstead Mosquito, cong, dài 120-125mm	Kẹp cầm máu - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 120-125mm - Loại: Halstead Mosquito, cong, mảnh, ngâm có răng ngang - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	20
3	Kẹp cầm máu Jacobson, cong, dài 130-135mm	Kẹp cầm máu - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 130-135mm - Loại: Jacobson, cong, ngâm có răng ngang, mảnh - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	10
4	Kẹp cầm máu Jacobson, cong, dài 180-190mm	Kẹp cầm máu - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 180-190mm - Loại: Jacobson, cong, ngâm có răng ngang, mảnh - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	15
5	Kẹp cầm máu FUCHSIG cong, dài 190-195mm	Kẹp cầm máu - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 190-195mm - Loại: FUCHSIG, cong, ngâm có răng ngang, mảnh - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	20



TT	Tên danh mục mời chào giá	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
6	Kéo phẫu tích thẳng, dài 140-145mm	Kéo phẫu tích thẳng - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 140-145mm - Loại: thẳng, mũi nhọn/tù - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
7	Kẹp mang kim, thẳng, dài 230-235mm	Kẹp mang kim - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 230-235mm - Loại: thẳng, mảnh, bước răng 0,3mm, cán vàng - Ngâm: chất liệu Tungsten Carbide - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	4
8	Đè ruột Malleable, dài 330-335mm, lưỡi rộng 50mm	Đè ruột - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 330-335mm - Loại: Malleable, dễ uốn, lưỡi rộng 50mm, 2 đầu bằng nhau - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	4
9	Đè ruột Malleable, dài 330mm-335, lưỡi rộng 30mm	Đè ruột - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 330-335mm - Loại: Malleable, dễ uốn, lưỡi rộng 30mm, 2 đầu bằng nhau - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	4
10	Kẹp mạch máu Cooley thẳng, dài 140-145mm	Kẹp mạch máu - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 140-145mm - Loại: cooley, ngâm thẳng - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	4
11	Kẹp mạch máu Cooley, gấp góc, dài 140-145mm	Kẹp mạch máu - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 140-145mm - Loại: cooley, thân thẳng, gấp góc - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	4
12	Kẹp mạch máu Cooley, dài 165-170mm	Kẹp mạch máu - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 165-170mm - Loại: cooley, thân cong, ngâm gấp góc - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	4
13	Kẹp mạch máu Cooley, dài 170-175mm	Kẹp mạch máu - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 170-175mm - Loại: cooley, thân cong, ngâm gấp góc - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	4
14	Kẹp đa năng DeBakey, dài 235-250mm	Kẹp đa năng - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 235-250mm - Loại: ngâm Debakey, ngâm gấp góc - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
15	Kẹp đa năng, dài 240-245mm	Kẹp đa năng - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 240-245mm - Loại: cooley/ De Bakey, ngâm gấp góc - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
16	Kẹp ống động mạch Cooley thẳng, dài 170-175mm	Kẹp ống động mạch - Vật liệu: titanium/ Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 170-175mm - Loại: cooley, thân thẳng, có lỗ giảm áp lực trên phần ngâm - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	4

TT	Tên danh mục mời chào giá	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
17	Kẹp mạch máu Cooley, dài 250-255mm	Kẹp mạch máu - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 250-255mm - Loại: cooley, ngàm gấp góc 02 lần, có lỗ giảm áp lực trên phần ngàm - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	4
18	Kẹp động mạch chủ Cooley, dài 255-270mm	Kẹp động mạch chủ - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 255-270mm - Loại: cooley, ngàm gấp góc 02 lần, có lỗ giảm áp lực trên phần ngàm - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
19	Kẹp động mạch chủ Cooley, dài 225-260mm	Kẹp động mạch chủ - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 225-260mm - Loại: cooley, ngàm gấp góc 02 lần, có lỗ giảm áp lực trên phần ngàm - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
20	Kẹp mạch máu Cooley, dài 180-200mm	Kẹp mạch máu - Vật liệu: thép không gỉ - Kích thước: dài 180-200mm - Loại: cooley, thân gấp góc, gấp góc 02 lần - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
21	Kẹp mạch máu Cooley, dài 175-185mm	Kẹp mạch máu - Vật liệu: titanium/ Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 175-185mm - Loại: cooley, thân gấp góc, ngàm gấp góc 02 lần - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
22	Kéo phẫu tích Mayo cong, siêu bén, dài 170-175 mm	Kéo phẫu tích Mayo - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 170-175mm - Loại: cong, siêu bén - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	4
23	Kéo phẫu tích Mayo thẳng, siêu bén, dài 170 - 175mm	Kéo phẫu tích Mayo - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 170-175mm - Loại: thẳng, siêu bén - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	4
24	Kéo phẫu tích Metzenbaum cong, dài 175-180mm	Kéo phẫu tích Metzenbaum - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 175-180mm - Loại: FINO/ Potts, cong, mũi tù/tù, cán vàng - Ngàm: chất liệu Tungsten Carbide - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	6
25	Kéo phẫu tích Jameson, dài 180-185mm	Kéo phẫu tích - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 180-185mm - Loại: Jameson, cong, siêu bén - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	6
26	Kéo phẫu tích Potts, mũi gấp góc 60°, dài 185-190mm	Kéo phẫu tích - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 185-190mm - Loại: Potts, mũi nhọn dài 20mm, mũi gấp góc 60° - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
27	Kéo phẫu tích Potts, gấp góc 45°, dài 185-190mm	Kéo phẫu tích - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 185-190mm - Loại: Potts, mũi nhọn dài 20mm, mũi gấp góc 45° - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2

TT	Tên danh mục mời chào giá	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
28	Kéo phẫu tích Potts, gấp góc 25°, dài 185- 190mm	Kéo phẫu tích - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 185-190mm - Loại: Potts, mũi nhọn dài 20mm, mũi gấp góc 25° - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
29	Nhíp mô Gerald không chấn thương, dài 180-185mm	Nhíp mô Gerald không chấn thương - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 180-185mm - Loại: thẳng, ngàm 1.0mm, phủ bụi kim cương, có khóa, cán dẹt - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	10
30	Kẹp bóc tách, dài 200 - 220 mm	Kẹp bóc tách - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 200-220mm - Loại: ngàm cong 45° - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	4
31	Kẹp mang kim Crile wood thẳng, bước răng 0.4mm, dài 200 -205 mm	Kẹp mang kim - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 200-205mm - Loại: Crile wood, thẳng, bước răng 0.4mm, cán vàng - Ngàm: chất liệu Tungsten Carbide - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	10
32	Kẹp mang kim vi phẫu thẳng, dài 205 -210 mm	Kẹp mang kim vi phẫu - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 205-210mm - Loại: thẳng, ngàm 1.2mm, tay cầm tròn, có khóa, cán vàng - Ngàm: chất liệu Tungsten Carbide - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	10
33	Kẹp mang kim thẳng Debakey, dài 180-185mm	Kẹp mang kim - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 180-185mm - Loại: Debakey, thẳng, bước răng 0.3mm, cán vàng - Ngàm: chất liệu Tungsten Carbide - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
34	Kẹp mang kim Mayo Hegar thẳng, bước răng 0.5mm, dài 200 -205 mm	Kẹp mang kim - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 200-205mm - Loại: Mayo Hegar, thẳng, bước răng 0.5mm, cán vàng - Ngàm: chất liệu Tungsten Carbide - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	4
35	Kim bơm rửa, đường kính 1.2-1.5mm	Kim bơm rửa - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: đường kính 1.2-1.5mm - Loại: gấp góc 30°, chiều dài gấp góc 25mm - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
36	Kim bơm rửa, đường kính 2.4-2.5mm	Kim bơm rửa - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: đường kính 2.4- 2.5mm - Loại: gấp góc 20°, chiều dài gấp góc 40mm - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
Phần 4: Dụng cụ bổ sung cho bộ ghép gan hiện có				
1	Nhíp phẫu tích không máu, thẳng, cán vàng, dài 230-235mm	Nhíp phẫu tích không máu - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 230-235mm - Loại: thẳng, mảnh, có răng chéo, ngàm rộng 1.4-1.8mm, cán vàng - Ngàm: chất liệu Tungsten Carbide - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	4
2	Kẹp cầm máu KELLY (CRILE) cong, dài 180-185mm	Kẹp cầm máu - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 180-185mm - Loại: KELLY (CRILE), cong, ngàm có răng ngang, mảnh - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	20

TT	Tên danh mục mời chào giá	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
3	Kẹp sáng, cong, nhọn, dài 130-135mm	Kẹp sáng - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 130-135mm - Loại: cong, nhọn, mẫu 1x1 - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	10
4	Cây móc chỉ dài 220-260mm	Cây móc chỉ - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 220-260mm - Loại: 1 móc - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
5	Cây móc chỉ, đầu có vòng xuyên, dài 240-260mm	Cây móc chỉ - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 240-260mm - Loại: 1 đầu móc, 1 đầu có vòng xuyên - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
6	Kẹp mang kim vi phẫu thẳng, dài 225 -230 mm	Kẹp mang kim vi phẫu - Vật liệu: titanium - Kích thước: dài 225-230mm - Loại: thẳng, ngâm 1.2mm, tay cầm tròn, có khóa, cán vàng - Ngâm: chất liệu Tungsten Carbide - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	4
7	Nhíp mô vi phẫu cong, dài 210-215mm	Nhíp mô vi phẫu - Vật liệu: titanium/ Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 210-215mm - Loại: cán tròn, lực kẹp 180g - Ngâm: 0.4 mm, cong, phủ bụi kim cương - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
8	Nhíp mô vi phẫu thẳng, dài 210-215mm	Nhíp mô vi phẫu thẳng - Vật liệu: titanium - Kích thước: dài 210-215mm - Loại: cán tròn, lực kẹp 180gr - Ngâm: 0.4 mm, thẳng, phủ bụi kim cương - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
9	Nhíp mô vi phẫu, mũi tròn, dài 210-215mm	Nhíp mô vi phẫu - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 210-215mm - Loại: thẳng, chuôi cân bằng, lực kẹp 180g - Ngâm: mũi tròn, đường kính 1.0 mm, phủ bụi kim cương - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
10	Ống hút Frazier, đường kính 8-9Fr	Ống hút - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: đường kính 8Fr -9Fr - Loại: Frazier, cong, tay cầm có lỗ kiểm soát - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	1
11	Que nong ống mật, đường kính 0.5mm, dài 140-145mm	Que nong ống mật - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: 140-190mm - Loại: thẳng, đường kính 0.5mm - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
12	Que nong ống mật Garrett, đường kính 1.0mm, dài 140-145mm	Que nong ống mật - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: 140-145mm - Loại: Garrett, thẳng, đường kính 1.0mm - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
13	Que nong ống mật Garrett, đường kính 1.5mm, dài 140-145mm	Que nong ống mật - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: 140-145mm - Loại: Garrett, thẳng, đường kính 1.5mm - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2

TT	Tên danh mục mời chào giá	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
14	Que nong ống mật Garrett, đường kính 2.0mm, dài 140-145mm	Que nong ống mật - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: 140-145mm - Loại: Garrett, thẳng, đường kính 2.0mm - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
15	Que nong ống mật Garrett, đường kính 2.5mm, dài 140-145mm	Que nong ống mật - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: 140-145mm - Loại: Garrett, thẳng, đường kính 2.5mm - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
16	Que nong ống mật Garrett, đường kính 3.0mm, dài 140-145mm	Que nong ống mật - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: 140-145mm - Loại: Garrett, thẳng, đường kính 3.0mm - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
17	Kẹp nối mạch máu Cooley, dài 260- 270mm	Kẹp nối mạch máu - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 260-270mm - Loại: cooley, ngàm gấp góc, có lỗ giảm áp lực trên phần ngàm - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
18	Kẹp nối mạch máu Cooley, dài 170-175mm	Kẹp nối mạch máu - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 170-175mm - Loại: cooley, thân cong, có lỗ giảm áp lực trên phần ngàm - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
19	Kẹp mạch máu Cooley, dài 165-170mm	Kẹp mạch máu - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 165-170mm - Loại: cooley, thân cong, ngàm gấp góc, có lỗ giảm áp lực trên phần ngàm - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
20	Nhíp mô vi phẫu, dài 205-210mm	Nhíp mô vi phẫu - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 205-210mm - Loại: mũi cong kích thước 0.4mm, ngàm phủ bụi kim cương, lực kẹp 180gr - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2
21	Nhíp mô Gerald không chấn thương, mũi cong, đầu mũi tròn, dài 180-185mm	Nhíp mô Gerald không chấn thương - Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Kích thước: dài 180-185mm - Loại: mũi cong, đầu mũi tròn, đường kính 1mm, phủ bụi kim cương - Tiêu chuẩn chất lượng EC/MDR, mã UDI	Cái	2

Nhà thầu có thể chào 01 hay nhiều phần

CÔNG TY:

ĐỊA CHỈ:

SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

TT	TT trong danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật	Mã HS	Chủng loại	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng (có khả năng cung ứng)	Đơn giá	Quyết định/hợp đồng trúng thầu tại các cơ sở y tế khác			Ghi chú
													Số QĐ	Ngày ban hành	Đơn giá	

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực 210 ngày kể từ ngày báo giá.
- Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT, các loại thuế khác, phí, chi phí vận chuyển và các chi phí khác liên quan đến việc vận chuyển đến địa điểm lắp đặt, chi phí kiểm định, bảo hiểm, bảo hành hàng hóa.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

